

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: **75** /GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày **24** tháng **9** năm 2020

GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
Căn cứ Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt, điều chỉnh bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND 2421/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;
Theo Biên bản của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản tại phiên họp ngày 14 tháng 7 năm 2020 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 848/TTr-STNMT ngày 22/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thuận Đức 4 được phép thăm dò khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bằng Tranh, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định;

1. Diện tích khu vực thăm dò là 3,5ha được giới hạn bởi các điểm góc được xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.
2. Mức sâu được phép thăm dò: đến cost +195m.

3. Thời hạn thăm dò: 24 tháng kể từ ngày ký.

4. Khối lượng công tác thăm dò: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thăm định và thông qua.

5. Chi phí thăm dò dự kiến: 1.620.700.000 đồng, bằng nguồn vốn của Công ty TNHH Thuận Đức 4 (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Công ty TNHH Thuận Đức 4 có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Thực hiện thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được UBND tỉnh chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền;

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng đá làm vật liệu xây dựng thông thường cho mục đích sử dụng,... Trường hợp lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thăm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của UBND tỉnh; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH Thuận Đức 4 chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản

lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa. *Wu*

Nơi nhận:

- Cty TNHH Thuận Đức 4;
- Cục KS HĐ KS Miền trung;
- Các Sở: TNMT, XD, CT;
- UBND huyện An Lão;
- UBND xã An Hòa;
- Lưu VP, K4. *B*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



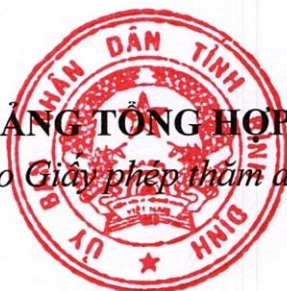
Trần Châu
Trần Châu

PHỤ LỤC SỐ 1

Ranh giới, tọa độ khu vực thăm dò đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại
núi Bằng Tranh, xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 75/GP-UBND ngày 24/9/2020
của UBND tỉnh)

- Diện tích khu vực thăm dò là 3,5ha được giới hạn bởi các điểm khép góc
như sau:

Điểm góc	Hệ VN2000-Kinh tuyến trục 111°00', múi chiếu 6°		Hệ VN2000-Kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	(Y) m	X (m)	(Y) m
1	1.609.794	275.346	1.609.354	571.665
2	1.609.907	275.459	1.609.468	571.776
3	1.609.816	275.628	1.609.379	571.946
4	1.609.664	275.542	1.609.226	571.862



PHỤ LỤC SỐ 3

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số **75** /GP-UBND ngày **24/9** /2020 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Lập đề án			
1	Thu thập tài liệu, khảo sát, lập đề án	đề án	1	
II	Tổ chức thi công			
II.1	Công tác trắc địa			
1	Mua mốc địa chính cơ sở	mốc	2,0	
2	Lập lưới giải tích 2	điểm	2,0	
3	Lập đường sườn kinh vĩ trực tiếp	km	1,0	
4	Định tuyến tìm kiếm thăm dò	km	0,638	
5	Đo công trình chủ yếu ra thực địa	điểm	15	
6	Đo công trình chủ yếu vào bản đồ	điểm	12	
7	Đo vẽ bản đồ ĐH tỉ lệ 1:1.000 h=1,0 m	km ²	0,035	
-	Thực địa	km ²	0,035	
-	Văn phòng	km ²	0,035	
II.2	Công tác địa chất			
1	Đánh giá khoáng sản tỷ lệ 1:1.000 (không quan sát xạ)	km ²	0,035	
+	Thực địa	km ²	0,035	
+	Văn phòng	km ²	0,035	
2	Đo đếm khe nứt xác định độ nguyên khối			
+	Thực địa	tháng/tổ	0,5	
+	Văn phòng	tháng/tổ	0,5	
3	Thu thập tài liệu moong khai thác	đồng		
+	Thực địa	tháng/tổ	0,5	
+	Văn phòng	tháng/tổ	0,5	
II.3	Công tác ĐCTV-ĐCCT			
1	Đo vẽ lập bản đồ ĐCTV-ĐCCT kết hợp, tỷ lệ 1:1.000		0,035	
+	Thực địa	km ²	0,035	
+	Văn phòng	km ²	0,035	
II.4	Công trình thăm dò			
1	Dọn via lộ	m ³	20	
2	Thi công hào	m ³	126	

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
3	Khoan máy	m	268	
II.5	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu			
II.5.1	Lấy mẫu			
1	Mẫu lát mỏng	mẫu	3	
2	Mẫu cơ lý đất	mẫu	2	
3	Mẫu cơ lý đá	mẫu	6	
4	Mẫu quang phổ bán định lượng	mẫu	2	
5	Mẫu hóa silicat	mẫu	2	
6	Mẫu trọng sa giã đãi	mẫu	2	
7	Đo hoạt độ phóng xạ	điểm đo	3	
8	Mẫu công nghệ đá dăm	mẫu	5	
9	Mẫu mài láng	mẫu	2	
10	Mẫu nước	mẫu	2	
II.5.2	Gia công mẫu			
1	Mẫu lát mỏng	mẫu	3	
2	Mẫu hóa silicat	mẫu	3	
4	Mẫu trọng sa giã đãi	mẫu	2	
3	Mẫu mài láng	mẫu	2	
II.5.3	Phân tích mẫu			
1	Mẫu lát mỏng	mẫu	3	
2	Mẫu cơ lý đất	mẫu	2	
3	Mẫu cơ lý đá (8 chỉ tiêu)	mẫu	6	
4	Mẫu quang phổ bán định lượng	mẫu	2	
5	Mẫu hóa silicat (12 chỉ tiêu)	mẫu	2	
6	Mẫu trọng sa giã đãi	mẫu	2	
7	Mẫu mài láng	mẫu	2	
8	Mẫu công nghệ đá dăm	mẫu	5	
9	Mẫu nước	mẫu	1	
10	Mẫu vi sinh	mẫu	1	
III	Lập báo cáo tổng kết	Báo cáo	1	